

# PHƯƠNG CHÂM “DĨ BẤT BIẾN ỨNG VẠN BIẾN” TRONG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VÀ SỰ VẬN DỤNG CỦA ĐẢNG VỀ ĐỐI NGOẠI THỜI KỲ ĐỔI MỚI

★ THS. NGUYỄN VĂN NGUYÊN

*Trường Chính trị Nguyễn Văn Cừ tỉnh Bắc Ninh*

● **Tóm tắt:** Phương châm “Dĩ bất biến ứng vạn biến” trong tư tưởng Hồ Chí Minh thể hiện sự kiên định về nguyên tắc và linh hoạt, mềm dẻo trong sách lược, trở thành một giá trị cốt lõi định hướng cho hoạt động đối ngoại của Đảng qua các giai đoạn cách mạng. Trong thời kỳ đổi mới, kể từ năm 1986 đến nay, trên nền tảng tư tưởng Hồ Chí Minh và vận dụng, phát triển sáng tạo phương châm “Dĩ bất biến ứng vạn biến”, Đảng từng bước phát triển tư duy lý luận, đường lối đối ngoại, mở rộng quan hệ quốc tế, hội nhập quốc tế sâu rộng.

● **Từ khóa:** Tư tưởng Hồ Chí Minh; “Dĩ bất biến ứng vạn biến”; Đối ngoại.

## 1. Phương châm “Dĩ bất biến ứng vạn biến” trong tư tưởng Hồ Chí Minh

Ngày 31-5-1946, trước khi lên đường sang thăm chính thức nước Pháp với tư cách thượng khách, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã gửi gắm những lời căn dặn sâu sắc tới Quyền Chủ tịch nước Huỳnh

Thúc Kháng: “Tôi vì nhiệm vụ quốc dân giao phó phải đi xa ít lâu, ở nhà trăm sự khó khăn nhờ cậy ở Cụ cùng anh em giải quyết cho. Mong Cụ “Dĩ bất biến ứng vạn biến”<sup>1</sup>.”

Phương châm “Dĩ bất biến ứng vạn biến” trong tư tưởng Hồ Chí Minh có

thể hiểu là lấy cái không thay đổi để thích ứng linh hoạt với muôn vạn sự thay đổi. Đây là một phương châm bắt nguồn từ triết lý phương Đông, đã được ông cha ta vận dụng xuyên suốt trong lịch sử dựng nước và giữ nước. Hồ Chí Minh đã tiếp thu, nghiên cứu sâu sắc và vận dụng sáng tạo phương châm này trong từng giai đoạn cách mạng cụ thể ở Việt Nam, đồng thời kết hợp nhuần nhuyễn với phép biện chứng duy vật và quan điểm duy vật lịch sử của chủ nghĩa Mác-Lênin.

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, cái “bất biến” là mục tiêu tối thượng: Độc lập, thống nhất của Tổ quốc; tự do, hạnh phúc của nhân dân. Đây cũng chính là “ham muốn tốt bậc” mà Hồ Chí Minh từng nhấn mạnh. Quan điểm “Không có gì quý hơn độc lập, tự do”<sup>2</sup> là sự khái quát cô đọng nhất cho giá trị cốt lõi ấy.

Để hiện thực hóa lý tưởng đó, Hồ Chí Minh luôn bắt đầu từ việc phân tích chính xác bối cảnh quốc tế và trong nước, đánh giá tương quan lực lượng trong từng thời điểm lịch sử, từ đó đề ra đường lối và sách lược vừa mềm dẻo, vừa khôn khéo để tiến từng bước vững chắc đến thắng lợi. Người đã phát triển phương châm “Dĩ bất biến ứng vạn biến” thành một nghệ thuật ứng xử mẫu mực trong lĩnh vực chính trị và đối ngoại, ngoại giao. Chính nhờ vận dụng linh hoạt và sáng tạo phương châm này, cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Người đã nhiều lần vượt qua hiểm nguy, thoát khỏi tình thế “ngàn cân treo sợi tóc”.

Dù trải qua những giai đoạn thăng trầm, tiến – thoái, cuối cùng cách mạng vẫn giành được độc lập, thống nhất cho

Tổ quốc, mang lại tự do, hạnh phúc cho nhân dân.

“Ứng vạn biến” trong tư tưởng Hồ Chí Minh đặt ra yêu cầu mỗi giai đoạn lịch sử phải có cách xử lý mềm dẻo, phù hợp với tình hình, song tuyệt đối không được đi chệch khỏi “cái bất biến” – tức mục tiêu chiến lược về độc lập thống nhất của Tổ quốc và tự do, hạnh phúc của nhân dân. Sự vận dụng linh hoạt ấy không mang tính tùy tiện mà luôn gắn với việc cân nhắc bối cảnh, điều kiện và đối tượng cụ thể để xác định giải pháp tối ưu. Chính vì vậy, phương châm này có giá trị bao trùm, đặc biệt thiết thực đối với hoạt động đối ngoại của Việt Nam – một quốc gia thường xuyên phải ứng xử khôn khéo với các nước lớn trong môi trường quốc tế nhiều biến động.

Phương châm “Dĩ bất biến ứng vạn biến” được Hồ Chí Minh nêu rõ: “Mục đích bất di bất dịch của ta vẫn là hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ. Nguyên tắc của ta thì phải vững chắc, nhưng sách lược của ta thì linh hoạt”<sup>3</sup>. Trong những bối cảnh cụ thể, Người có thể chủ trương “nhân nhượng, thỏa hiệp”, song đó chỉ là giải pháp tạm thời, nhằm thích ứng với tình thế, tuyệt đối không phải sự đánh đổi mục tiêu lâu dài.

Do đó, trong quá trình đàm phán, thương lượng, điều quan trọng là phải giữ vững thế chủ động, kiên định nguyên tắc nhưng biết vận dụng sách lược mềm dẻo. Hồ Chí Minh từng khẳng định: “Người ta cương thì mình phải nhu; phải khôn khéo lấy nhu thắng cương thì mới biết mình, biết người”<sup>4</sup>. Đó là sự kết hợp hài hòa giữa bản lĩnh

kiên định trong mục tiêu và sự linh hoạt trong phương pháp – biểu hiện sinh động của tinh thần “Dĩ bất biến ứng vạn biến”.

Theo tư tưởng Hồ Chí Minh, vận dụng phương châm này đòi hỏi: “Mềm mại, khôn khéo, nhưng rất kiên cường, quyết liệt; linh hoạt, sáng tạo nhưng rất bản lĩnh, kiên định, can trường trước mọi thử thách, khó khăn, vì độc lập dân tộc, vì tự do, hạnh phúc của nhân dân. Đoàn kết, nhân ái, nhưng kiên quyết, kiên trì bảo vệ lợi ích quốc gia, dân tộc. Biết nhu, biết cương; biết thời, biết thế, biết người; biết tiến, biết thoái, “tùy cơ ứng biến”<sup>5</sup>.

Những chỉ dẫn này không chỉ thể hiện bản lĩnh chính trị vững vàng mà còn phản ánh nghệ thuật xử lý tình huống linh hoạt, sự hòa quyện giữa trí tuệ, tầm nhìn chiến lược và khả năng ứng biến sáng tạo của đường lối đối ngoại Hồ Chí Minh.

## **2. Sự vận dụng phương châm "Dĩ bất biến ứng vạn biến" trong công tác đối ngoại của Đảng Cộng sản Việt Nam thời kỳ đổi mới**

Phương châm “Dĩ bất biến ứng vạn biến” trong tư tưởng Hồ Chí Minh không chỉ soi sáng đường lối cách mạng Việt Nam trong các giai đoạn đấu tranh giành độc lập mà còn tiếp tục giữ vai trò định hướng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Trong thời kỳ đổi mới, trước những biến động phức tạp của tình hình thế giới và yêu cầu phát triển đất nước, Đảng ta đã kế thừa và vận dụng sáng tạo tư tưởng ấy để hình thành nhận thức mới về đối ngoại. Nhờ đó, đường

lối đối ngoại từng bước được mở rộng, thích ứng linh hoạt với bối cảnh quốc tế, nhưng vẫn kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Đây chính là nền tảng để Đảng hoạch định chủ trương hội nhập quốc tế sâu rộng, đồng thời bảo vệ vững chắc lợi ích quốc gia – dân tộc trong thời kỳ đổi mới.

Đại hội lần thứ VI của Đảng (năm 1986) đã đặt nền móng cho đổi mới tư duy đối ngoại. Trong bối cảnh đất nước bị các thế lực thù địch bao vây, cấm vận về kinh tế, cô lập về chính trị, đời sống nhân dân hết sức khó khăn, nguy cơ tụt hậu xa hơn về kinh tế so với các nước trong khu vực, Đại hội VI đã “nhìn thẳng vào sự thật”, đề ra chủ trương đổi mới toàn diện, trong đó đổi mới kinh tế được đặt lên hàng đầu. Cái “bất biến” được Đảng khẳng định là: “Tiếp tục giữ vững nền độc lập, hòa bình, độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, kết hợp nhuần nhuyễn chủ nghĩa yêu nước chân chính với chủ nghĩa quốc tế vô sản, giữ vững độc lập tự chủ, tăng cường hợp tác quốc tế”<sup>6</sup>.

Cùng với đó, “vạn biến” được thể hiện ở việc tăng cường và phát triển quan hệ hợp tác, hữu nghị với các quốc gia, phá thế bao vây, cấm vận. Văn kiện Đại hội VI nhấn mạnh: “Tăng cường đoàn kết và hợp tác toàn diện với Liên Xô luôn luôn là hòn đá tảng trong chính sách đối ngoại”<sup>7</sup>; đồng thời sẵn sàng bình thường hóa quan hệ với Trung Quốc và củng cố quan hệ đặc biệt ba nước Đông Dương.

Trước những yêu cầu từ thực tiễn, ngày 20-5-1988, Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 13-NQ/TW, khẳng định: “Với một nền kinh tế mạnh, một nền quốc phòng vừa đủ mạnh cùng với sự

mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế, chúng ta sẽ càng có nhiều khả năng giữ vững độc lập và xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội hơn”<sup>8</sup>. Đây là bước ngoặt quan trọng, mở đầu tiến trình đổi mới tư duy đối ngoại.

Đại hội lần thứ VII của Đảng (năm 1991) đã khẳng định những nguyên tắc cơ bản trong đường lối đối ngoại, đồng thời chủ trương mở rộng quan hệ hữu nghị và hợp tác với cộng đồng quốc tế. Sau khi Chiến tranh lạnh kết thúc, cục diện thế giới biến đổi sâu sắc. Đại hội VII tiếp tục khẳng định cái “bất biến” là giữ vững độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, phát huy truyền thống đoàn kết quốc tế. Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (1991) chỉ rõ mục tiêu đối ngoại là “tạo điều kiện quốc tế thuận lợi cho công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc đi lên chủ nghĩa xã hội”<sup>9</sup>.

Cái “vạn biến” được cụ thể hóa bằng phương châm: “Hợp tác bình đẳng và cùng có lợi với tất cả các nước... trên cơ sở những nguyên tắc cùng tồn tại hòa bình”<sup>10</sup>; đồng thời tuyên bố “Việt Nam muốn là bạn với tất cả các nước”<sup>11</sup>. Đây là bước chuyển quan trọng từ đối ngoại khép kín sang tư duy đa phương hóa, đa dạng hóa. Hội nghị Đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ khóa VII của Đảng năm 1994 đã phát triển quan điểm này và xác định rõ: “Tiếp tục đẩy mạnh việc thực hiện chính sách đối ngoại độc lập tự chủ, rộng mở, đa dạng hóa và đa phương hóa, tranh thủ tối đa mặt đồng, hạn chế mặt bất đồng, tạo điều kiện thuận lợi cho công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đồng thời góp phần tích cực vào công cuộc đấu tranh chung

của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội”<sup>12</sup>.

Đại hội VIII của Đảng (năm 1996) ghi nhận sự phát triển trong tư duy và đường lối đối ngoại khi đề ra nhiệm vụ trọng tâm của công tác đối ngoại là “củng cố môi trường hòa bình và tạo điều kiện quốc tế thuận lợi... công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh chung của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội”<sup>13</sup>. Chủ trương “Việt Nam muốn là bạn của tất cả các nước” tiếp tục được nhấn mạnh. Điểm mới là xác định cụ thể các đối tác ưu tiên như các nước láng giềng và các nước trong tổ chức ASEAN, không ngừng củng cố quan hệ với các nước bạn bè truyền thống, coi trọng quan hệ với các nước phát triển và các trung tâm kinh tế - chính trị trên thế giới, đồng thời luôn luôn nêu cao tinh thần đoàn kết với các nước đang phát triển ở châu Á, châu Phi, Mỹ latin, với Phong trào không liên kết... Đây là giai đoạn Đảng chuẩn bị toàn diện cho tiến trình hội nhập quốc tế.

Đại hội IX của Đảng (năm 2001) đã khẳng định bước tiến mới trong nhận thức về đối ngoại của Đảng khi lần đầu tiên đưa ra khái niệm “đối tác” và xác định chủ trương hội nhập kinh tế quốc tế. Cái “bất biến” là giữ vững độc lập dân tộc, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, kiên định con đường xã hội chủ nghĩa. Văn kiện Đại hội IX chỉ rõ: “Nhiệm vụ đối ngoại là giữ vững môi trường hòa bình, tạo điều kiện quốc tế thuận lợi cho công cuộc đổi mới, đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, bảo vệ độc lập, chủ quyền,

thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, góp phần vào sự nghiệp đấu tranh chung của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội”<sup>14</sup>.

Cái “vạn biến” thể hiện ở tư duy mở: “Việt Nam sẵn sàng là bạn, là đối tác tin cậy của các nước”. Đại hội IX lần đầu tiên chủ trương hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực được xác định như một mục tiêu đối ngoại cơ bản, song song với “Mở rộng quan hệ đối ngoại và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế”<sup>15</sup>. Đây là bước phát triển quan trọng trong nhận thức lý luận của Đảng, phù hợp với xu thế vận động của thế giới và yêu cầu của sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc. Đại hội cũng nhấn mạnh yêu cầu chủ động hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực trên cơ sở phát huy tối đa nội lực, đồng thời nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế, giữ vững độc lập, tự chủ và định hướng xã hội chủ nghĩa. Việc hội nhập phải gắn liền với bảo vệ lợi ích dân tộc, bảo đảm an ninh quốc gia, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc và bảo vệ môi trường.

Tháng 7 - 2003, Hội nghị lần thứ Tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX có chuyển biến lớn về nhận thức khi ban hành Nghị quyết về “Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới”. Nghị quyết lần đầu tiên nêu rõ các thành tố cơ bản về lợi ích quốc gia - dân tộc của Việt Nam làm tiêu chí để phân biệt rõ “đối tác” và “đối tượng” trong xử lý các mối quan hệ trong hợp tác quốc tế với các quốc gia, tổ chức và các cá nhân khi quan hệ với Việt Nam. Theo đó, từ quan niệm về địch - ta, Đảng chuyển thành cách nhìn nhận có tính biện chứng giữa “đối tác” và “đối tượng” trên cơ sở: Những ai tôn trọng độc lập chủ quyền, thiết lập và mở rộng quan hệ hữu nghị và

hợp tác bình đẳng, cùng có lợi với Việt Nam đều là đối tác của Việt Nam; bất kể lực lượng nào có âm mưu và hành động chống phá mục tiêu của cách mạng Việt Nam trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc đều là đối tượng đấu tranh.

Đại hội X (năm 2006) có bước phát triển mới về tư duy đối ngoại của Đảng từ chủ trương “chủ động” sang “chủ động và tích cực hội nhập quốc tế”. Đại hội khẳng định công tác đối ngoại là một nội dung trọng yếu trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, vừa góp phần giữ vững môi trường hòa bình, vừa tạo điều kiện thuận lợi để phát triển đất nước trong bối cảnh toàn cầu hóa ngày càng sâu rộng. Cái “bất biến” trong đối ngoại được Đại hội X của Đảng xác định thông qua nhiệm vụ tổng quát là: “giữ vững môi trường hòa bình, tạo các điều kiện quốc tế thuận lợi cho công cuộc đổi mới, đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đồng thời góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh chung của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội”<sup>16</sup>. Cái “vạn biến” thể hiện rõ qua tư duy chuyển từ “chủ động hội nhập” (Đại hội IX) sang “chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế”, mở rộng sang nhiều lĩnh vực khác. Đây là bước tiến lớn, phản ánh nhu cầu hội nhập sâu rộng trong bối cảnh toàn cầu hóa; khẳng định đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển (bổ sung thêm cụm từ hòa bình, hợp tác và phát triển); biểu hiện sự điều chỉnh sách lược để phù hợp với bối cảnh toàn cầu hóa và nhu cầu phát triển đất nước.

Đại hội lần thứ XI của Đảng (năm

2011) mở rộng phạm vi từ hội nhập kinh tế sang hội nhập quốc tế toàn diện. Đại hội XI tiếp tục chủ trương “Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển; đa phương hoá, đa dạng hoá quan hệ, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế”<sup>17</sup>. Một số vấn đề được Đại hội bổ sung và cụ thể hơn như: Nâng cao vị thế của đất nước; vì lợi ích quốc gia, dân tộc, vì một nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa giàu mạnh; là bạn, đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế, góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trên thế giới. Hợp tác bình đẳng, cùng có lợi với tất cả các nước trên cơ sở những nguyên tắc cơ bản của Hiến chương Liên Hợp quốc và luật pháp quốc tế.

Văn kiện Đại hội lần thứ XI lần đầu tiên khẳng định: “triển khai đồng bộ, toàn diện, hiệu quả các hoạt động đối ngoại, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế”<sup>18</sup>. Nếu như ở Đại hội Đảng lần thứ IX xác định “Chủ động hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực” thì trong Nghị quyết Đại hội XI, chủ trương đối ngoại của Đảng thể hiện bước phát triển mới về tư duy – chuyển từ “hội nhập kinh tế quốc tế” sang “hội nhập quốc tế”, phản ánh sự mở rộng phạm vi từ kinh tế sang cả chính trị, văn hóa và quốc phòng, an ninh.

Đại hội lần thứ XII của Đảng (năm 2016) tiếp tục khẳng định quan điểm kiên định bảo vệ lợi ích tối cao của quốc gia – dân tộc. Đại hội XII nhấn mạnh: “Bảo đảm lợi ích tối cao của quốc gia - dân tộc... chủ động và tích cực hội nhập quốc tế; là bạn, là đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm của cộng đồng

quốc tế”<sup>19</sup>. Đại hội cũng nêu rõ phương hướng, mục tiêu trong đối ngoại là giữ vững môi trường hòa bình, ổn định, tranh thủ tối đa các nguồn lực bên ngoài để phát triển đất nước, nâng cao đời sống nhân dân; kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa; nâng cao vị thế, uy tín của đất nước và góp phần vào sự nghiệp hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trên thế giới.

Như vậy, đường lối đối ngoại được xây dựng trên nguyên tắc “bất biến” vì hòa bình, độc lập, thống nhất và chủ nghĩa xã hội, đồng thời “vạn biến” trong sách lược để tranh thủ tối đa nguồn lực bên ngoài phục vụ mục tiêu phát triển đất nước.

Đại hội lần thứ XIII của Đảng (năm 2021) đã đề cao vai trò tiên phong của đối ngoại. Đại hội tiếp tục khẳng định những giá trị bất biến trong đối ngoại là: “Bảo đảm cao nhất lợi ích quốc gia - dân tộc... chủ động và tích cực hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng”<sup>20</sup>. Đồng thời, kiên định và nhất quán thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển; đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ quốc tế; chủ động, tích cực hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng. Đây chính là nền tảng nguyên tắc bất biến, làm cơ sở cho mọi hoạt động đối ngoại của Việt Nam.

Cái “vạn biến” trong Văn kiện Đại hội XIII về đối ngoại là việc xác định đẩy mạnh quan hệ đối ngoại song phương và nâng tầm hoạt động đối ngoại đa phương. Chủ động, tích cực tham gia

và phát huy vai trò, vị thế của Việt Nam trong các cơ chế hợp tác đa phương, đặc biệt là ASEAN, Liên Hợp quốc và APEC, EU, WTO,... Đây là bước phát triển cao trong nhận thức và hành động từ chỗ “tham gia” (trước đây) đến “chủ động tham gia, tích cực đóng góp, định hình các thể chế”. Cái “vạn biến” nữa là việc đề cao yêu cầu “chủ động và tích cực hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng”. Nếu như Đại hội XII mới dừng lại ở việc khẳng định phạm vi toàn diện, thì đến Đại hội XIII, yêu cầu đã nâng lên mức “sâu rộng”. Chính điều này thể hiện sự sáng tạo – tức cái “vạn biến” – phù hợp với vị thế ngày càng cao của Việt Nam. Trong bối cảnh mới, khi đất nước vừa hội nhập sâu rộng, vừa phải ứng phó với những biến động phức tạp của khu vực và thế giới.

Văn kiện Đại hội XIV của Đảng (năm 2026) tiếp tục phát triển toàn diện hơn đường lối đối ngoại của Đảng, nhấn mạnh yêu cầu kiên định mục tiêu, nguyên tắc cơ bản đồng thời linh hoạt, sáng tạo trong phương thức triển khai. Trên cơ sở kế thừa, bổ sung và phát triển quan điểm các kỳ Đại hội trước, Văn kiện xác định nhiệm vụ đẩy mạnh triển khai đồng bộ, sáng tạo các hoạt động đối ngoại và thúc đẩy hội nhập quốc tế sâu rộng, toàn diện, hiệu quả. Đồng thời, khẳng định: “Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, tự cường, hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển, đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ đối ngoại, là thành viên có trách nhiệm với cộng đồng quốc tế; phát triển đối ngoại trong kỷ nguyên mới, tương xứng với tầm vóc lịch sử, văn hóa và vị thế của đất nước. Đẩy mạnh triển khai đồng bộ, sáng tạo hoạt động đối ngoại

và hội nhập quốc tế sâu rộng, toàn diện, hiệu quả. Bảo đảm cao nhất lợi ích quốc gia – dân tộc trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản của luật pháp quốc tế và Hiến chương Liên hợp quốc, hợp tác, bình đẳng, cùng có lợi”<sup>21</sup>.

Đặc biệt, Nghị quyết số 59-NQ/TW, ngày 24-01-2025 của Bộ Chính trị về “*Hội nhập quốc tế trong tình hình mới*” xác định: Cùng với quốc phòng, an ninh, đối ngoại và hội nhập quốc tế được coi là nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên. Nghị quyết xác định hội nhập quốc tế của Việt Nam trong thời gian tới là chuyển từ tiếp nhận sang đóng góp, từ hội nhập sâu rộng sang hội nhập đầy đủ, từ vị thế một quốc gia đi sau sang trạng thái một quốc gia vươn lên, tiên phong vào những lĩnh vực mới. Việt Nam đang bước vào một giai đoạn phát triển mới, sẵn sàng đóng góp nhiều hơn nữa vì sự phát triển và tiến bộ của nhân loại.

Có thể khẳng định rằng, qua 40 năm thực hiện công cuộc đổi mới, trên cơ sở vận dụng và phát triển sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh nhận thức của Đảng về đối ngoại không ngừng được bổ sung, phát triển và hoàn thiện. Đảng ngày càng nhận thức sâu sắc hơn về cái “bất biến” trong đối ngoại, đó là bảo đảm cao nhất lợi ích quốc gia – dân tộc, được xác định là mục tiêu xuyên suốt của công tác đối ngoại, trong đó phát triển đất nước được đặt ở vị trí trung tâm. Vai trò của đối ngoại trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc ngày càng được đề cao, đặc biệt là nhiệm vụ nâng cao vị thế và uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế. Về nguyên tắc chỉ đạo đối ngoại, Đảng chỉ rõ hai nguyên tắc cơ bản gồm: (1) Vì lợi ích quốc gia – dân tộc; (2) Trên cơ sở

các nguyên tắc cơ bản của Hiến chương Liên hợp quốc và luật pháp quốc tế.

Cái “vạn biến” chính là sự linh hoạt, sáng tạo trong sách lược, phương thức, đối tác và phạm vi hội nhập, phù hợp với bối cảnh quốc tế và yêu cầu phát triển đất nước qua từng giai đoạn.

Những thành tựu nổi bật trong công tác đối ngoại đã đóng vai trò then chốt trong việc tạo lập môi trường hòa bình, tranh thủ nguồn lực quốc tế, nâng cao vị thế Việt Nam, đồng thời khẳng định tính đúng đắn, sáng tạo của Đảng trong vận dụng phương châm “Dĩ bất biến

ứng vạn biến” của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong triển khai đường lối đối ngoại Việt Nam thời kỳ đổi mới. Bước vào kỷ nguyên mới, những kinh nghiệm và bài học từ 40 năm đổi mới đất nước sẽ tiếp tục soi sáng cho sự nghiệp xây dựng nền đối ngoại, ngoại giao toàn diện, hiện đại, phục vụ mục tiêu phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc, khẳng định vai trò, vị thế Việt Nam trong cộng đồng quốc tế. ■

<sup>1</sup> Hồ Chí Minh: *Biên niên tiểu sử*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, H.2006, tập 3, tr. 235.

<sup>2</sup> Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, H.2011, tập 5, tr.130.

<sup>3</sup> Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, tập 8, tr.555.

<sup>4</sup> Vũ Đình Huỳnh: “*Tháng Tám cờ bay (Hồi ký)*”, tạp chí Văn nghệ, số 36, ngày 04/9/1993.

<sup>5</sup> Lê Văn Lợi: *Hồ Chí Minh với hành trình thực hiện khát vọng độc lập, tự do, hạnh phúc*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, H.2024, tr.629.

<sup>6,7</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tập 47, tr.443, 434

<sup>8</sup> Nguyễn Cơ Thạch: “*Những chuyển biến trên thế giới và tư duy mới của chúng ta*”, tạp chí *Quan hệ quốc tế*, số 1, tháng 1-1990, tr.7.

<sup>9,10,11</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 51, Nxb. CTQG, Hà Nội, tr.144, 144, 49

<sup>12</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, tập 53, tr.232.

<sup>14,15</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, tập 55, tr.399, 119

<sup>16</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb. CTQG, H.2006, tr. tr.112.

<sup>17,18</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. CTQG, H.2011, tr.83, 235.

<sup>19</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb. CTQG, H.2016, tr.153.

<sup>20</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. CTQGST, H.2021, tr.162.

<sup>21</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV*, Nxb. CTQGST, H.2026, tập II, tr.381-382.